

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Cảng Xuân Hải – Nghi Xuân – Hà Tĩnh (Tổ thẩm định);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1324/TTr-STNMT ngày 28/3/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt tại Văn bản số 545/VLP-ANAT ngày 18/8/2023 và hồ sơ liên quan; ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 4323/STNMT-MT ngày 20/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 95/VLP-ANAT ngày 22/02/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt về chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh một số nội dung liên quan); sau khi các Thành viên UBND tỉnh thống nhất đồng ý qua Phiếu biểu quyết.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt (địa chỉ: KKT Vũng Áng, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Cảng Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

- Tên cơ sở: “Cảng Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”.
- Địa điểm hoạt động: Thôn Lam Long, Xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3000109210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp đăng ký lần đầu ngày 05/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/01/2020.

1.4. Mã số thuế: 3000109210.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xếp dỡ, khai thác và dịch vụ cảng biển; cung ứng các dịch vụ hàng hải tại cảng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi, quy mô:

Cơ sở thuộc loại hình công trình giao thông (lĩnh vực hàng hải), có quy mô về diện tích là 39.048 m<sup>2</sup>.

- Công suất hoạt động của cơ sở: Tiếp nhận tàu biển Việt Nam và nước ngoài có trọng tải đến 1.200WT ra, vào làm hàng và thực hiện các dịch vụ hàng hải.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt (Chủ đầu tư), Tổ thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, đầu tư, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Chịu trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 4.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ban hành.

**Điều 5.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Cảng Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh các nội dung liên quan./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nghi Xuân;
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>3</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Bái Hà**

**Phụ lục 01**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn thứ 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà Văn phòng và khu nhà ở công nhân.
- Nguồn thứ 02: Nước thải sản xuất (nước mưa chảy tràn bị nhiễm bẩn) phát sinh từ khu vực cầu tàu và bãi chứa hàng ngoài trời bên số 1.
- Nguồn thứ 03: Nước thải sản xuất (nước mưa chảy tràn bị nhiễm bẩn) phát sinh từ khu vực cầu tàu và bãi chứa hàng ngoài trời bên số 2.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Vùng nước ven bờ sông Lam thuộc địa phận thôn Lam Long, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Thôn Lam Long, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

+ Dòng thải số 01:  $X(m) = 2066480$ ;  $Y(m) = 0528629$

+ Dòng thải số 02:  $X(m) = 2066323$ ;  $Y(m) = 0528523$

+ Dòng thải số 03:  $X(m) = 2066403$ ;  $Y(m) = 0528344$

**2.3. Lưu lượng xả nước thải:**

Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất:  $217 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Dòng thải số 01:  $0,78 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Dòng thải số 02:  $127,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Dòng thải số 03:  $89 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

+ Dòng thải số 01 (nước thải sinh hoạt): sau khi xử lý tại bể tự hoại và hệ thống bể lắng lọc đạt cột B,  $K=1,2$  - QCVN 14:2008/BTNMT được dẫn ra mương thoát nước chung của khu dân cư, sau đó thải ra sông Lam thuộc địa phận thôn Lam Long, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Dòng thải số 02 và số 03 (nước thải sản xuất): sau khi xử lý tại các bể lắng trọng lực đặt ngầm phía dưới sân Cảng đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B,  $K_q = 1,1$  và  $K_f = 1,1$ ) qua đồng hồ đo lưu lượng, theo đường ống (dài 1m, đường kính D110mm) thải vào nguồn tiếp nhận là sông Lam theo phương thức tự chảy, xả mặt.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải (của 03 dòng thải):** xả thải gián đoạn, 24 giờ/ngày.

### 2.3.3. Chất lượng nước thải

- Nước thải sản xuất (dòng thải tại bến số 1 và bến số 2) trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,  $K_q=1,1$ ,  $K_f=1,1$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn- Giá trị C QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q=1,1$ , $K_f=1,1$ )
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60,5
3	COD	mg/l	181.5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	121
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12,1
6	Sunfua	mg/l	0,605
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	7,26
8	Mangan	mg/l	1,21
9	Sắt	mg/l	6,05
10	Chì	mg/l	0,605
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	12,1
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

- Nước thải sinh hoạt (dòng thải 01) trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B,  $K=1,2$  cụ thể như sau:

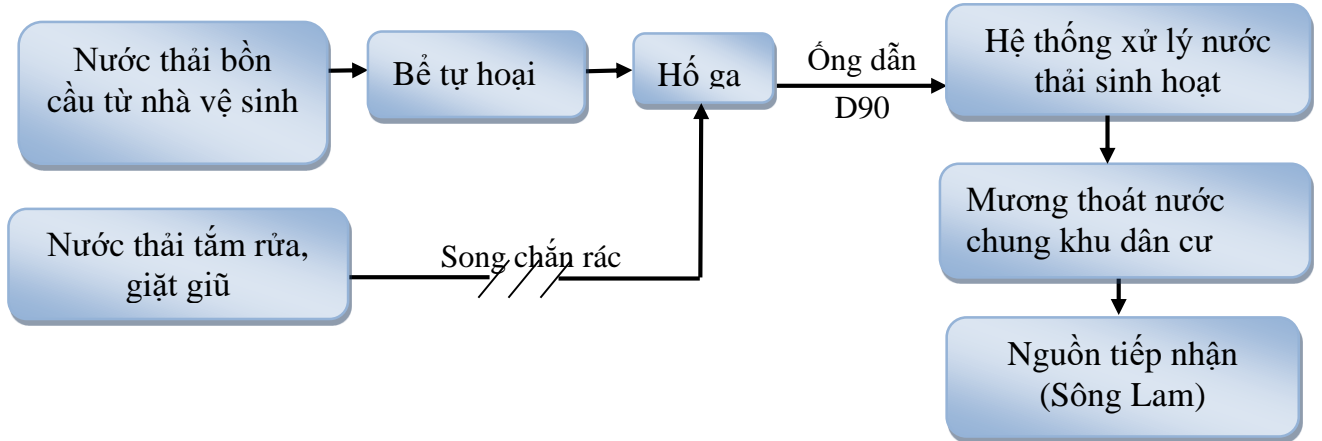
TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn - Giá trị C QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, $K=1,2$ )
1	pH	-	5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
6	Sunfua	mg/l	4,8
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

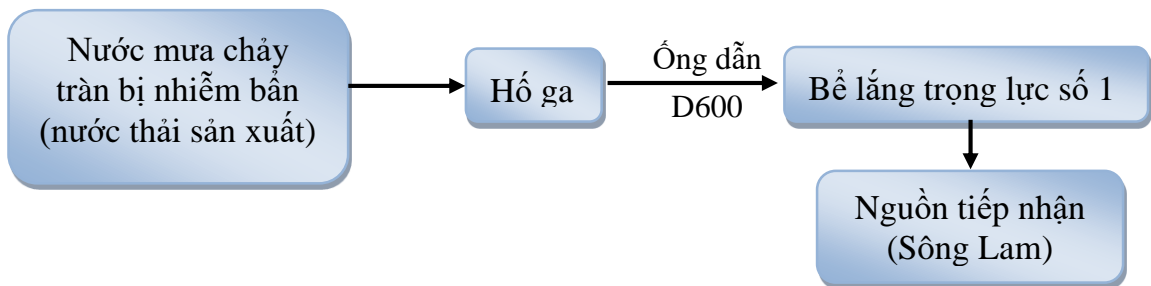
### **1. Công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

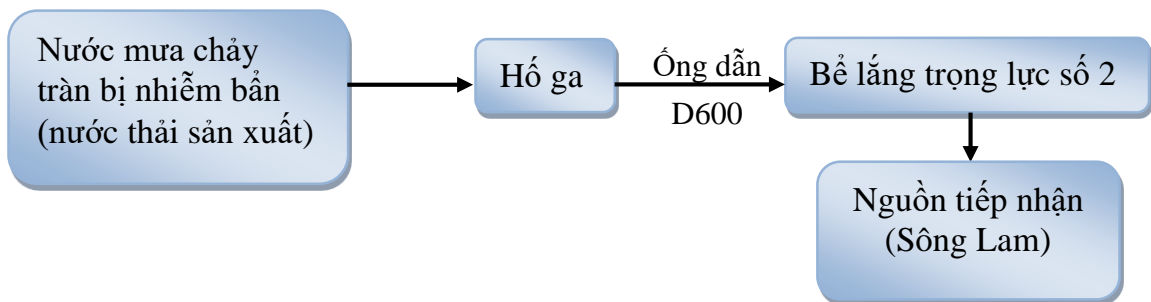
a) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt (dòng thải số 01):



b) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sản xuất tại bến số 1 (dòng thải số 02)



c) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sản xuất tại bến số 2 (dòng thải số 03)



## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt có chứa phân, nước tiểu từ bồn cầu tại khu nhà vệ sinh được thu gom về 01 bể tự hoại 3 ngăn cải tiến (BASTAF) để xử lý. Kích thước bể là  $D \times R \times H = 2,5 \times 1,8 \times 1,0 = 4,5 \text{ m}^3$ .

- 01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có dạng hình hộp chữ nhật thể tích  $14 \text{ m}^3$  (kích thước  $D \times R \times H = 4,16 \text{ m} \times 1,94 \text{ m} \times 1,73 \text{ m}$ ), cấu tạo 3 ngăn (gồm: bể điều hòa, bể lắng và bể lọc).

+ Bể điều hòa với thể tích chứa  $2,6 \text{ m}^3$  ( $D \times R \times H = 1,5 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,73 \text{ m}$ );

+ Bể lắng với thể tích chứa  $3,9 \text{ m}^3$  ( $D \times R \times H = 1,5 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} \times 1,73 \text{ m}$ );

+ Bể lọc với thể tích chứa  $1,73 \text{ m}^3$  ( $D \times R \times H = 1,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,73 \text{ m}$ ).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:  $2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

b. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- 02 Bể lắng trọng lực bằng bê tông cốt thép, đặt ngầm phía dưới sân cảng (01 bể tại Bến số 1 và 01 bể tại Bến số 2), bể lắng trọng lực tại bến số 1 có thể tích  $22,75 \text{ m}^3$  ( $D \times R \times H = 3,5 \times 2,5 \times 2,6$ ); bể lắng trọng lực tại bến số 2 có thể tích  $34,68 \text{ m}^3$

(DxRxH = 3,4x3,4x3,0)

- Công suất thiết kế của Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: 250 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- *Biện pháp phòng ngừa:*

+ Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, nâng cao ý thức trách nhiệm làm việc của nhân viên vận hành các hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn và thực hiện bảo trì bảo dưỡng để đảm bảo hiệu quả xử lý và ứng phó khi sự cố xảy ra; kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các công trình trong các Hệ thống xử lý nước thải.

+ Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình và thực hiện bơm hút, nạo vét định kỳ các bể xử lý nước thải để đảm bảo hiệu quả xử lý.

- *Các biện pháp ứng phó:*

+ Khi sự cố xảy ra tiên hành đóng van chặn nước thải sau xử lý.

+ Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Căn cứ khoản 4 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Công trình xử lý chất thải thuộc Cảng Xuân Hải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm (cơ sở đã có Giấy phép xả thải số 1992/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 29/6/2020).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

**Phụ lục 02**

**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực cảng.
- Hoạt động của máy móc, thiết bị bốc dỡ hàng hóa tại cảng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào cảng và hoạt động của máy móc bốc dỡ hàng hóa tại cảng là nguồn phân tán, không tập trung nên không xác định vị trí tọa độ cụ thể.

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	01 năm/lần	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	01 năm/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ các thiết bị, máy móc nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Tăng cường hệ thống cây xanh quanh hàng rào cơ sở để giảm đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ cơ sở và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.



**Phụ lục 03**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	NH	7,5	17 02 03
3	Dầu thải	NH	25	15 02 05
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, dẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	4,2	18 02 01
5	Pin, ắc quy thải	NH	3,3	16 01 12
<b>Tổng cộng</b>			<b>40</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn cặn từ bể tự hoại: khoảng 3,0m<sup>3</sup>/2 năm;  
- Bùn phát sinh khi nạo vét bể lắng trọng lực số 01 và số 2, mương thoát nước: khoảng 913kg/năm.

- Bao bì, vật liệu chèn lót hàng hoá  
- Hàng hoá rơi vãi trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển trong cảng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, thực phẩm dư thừa,...; khối lượng ước tính khoảng 04kg/ngày.

1.4. Chất thải phát sinh từ tàu thuyền vào cập cảng

- Nước lẫn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác.  
- Chất thải sinh hoạt (các loại chất thải thực phẩm, dầu ăn đã qua sử dụng,...);  
- Chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, sơn, vụn sơn, cặn lọc khí xả, cặn hàng hoá nguy hiểm, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì, giẻ lau chứa các thành phần nguy hại, chất thải từ ngành khai thác, dầu nhiên liệu thải, dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải,...

Khối lượng chất thải phát sinh từ tàu thuyền không xác định cụ thể (tùy thuộc số lượng tàu thuyền cập cảng và nhu cầu thu gom, xử lý của chủ tàu thuyền).

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS) và chất thải nguy hại (CTNH):**

## *2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, CTCNPKS:*

### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa:*

Bố trí các thùng bằng sắt (kích thước 1mx1mx1m) có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong kho chứa CTNH.

### *2.1.2. Khu vực lưu chứa:*

Kho chứa CTNH có diện tích 6,44m<sup>2</sup>; kết cấu bằng gạch, trát vữa xi măng, mái tôn sóng màu mạ kẽm, kích thước (dài x rộng) 2,8mx2,3m; mái kho dốc về phía sau, chiều cao phía trước là 2,3m; chiều cao phía sau là 2,0m, nền đổ bê tông xi măng M200# dày 10cm, có biển hiệu cảnh báo nhà để CTNH; có cửa khóa bằng thép bọc tôn chịu lực đảm bảo an toàn.

### *2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:*

Chủ cơ sở thực hiện thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho chứa và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

## *2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

- Bùn cặn bề tự hoại: Định kỳ, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ nạo vét hệ thống bể lắng, mương thoát nước: không bố trí khu vực lưu chứa; định kỳ, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng nạo vét vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bao bì, vật liệu chèn lót hàng hoá và hàng hoá rơi vãi trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển trong cảng: Chủ cơ sở có trách nhiệm cùng với chủ hàng thu gom về kho lưu giữ, phân định, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của Cảng.

## *2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

### *2.3.1. Thiết bị lưu chứa:*

- Bố trí các thùng có dung tích phù hợp để thu gom, phân loại và đưa về lưu giữ vào 09 thùng chứa có nắp đậy (dung tích khoảng 240l/ thùng; đặt tại khu văn phòng làm việc và nhà ở công nhân (03 thùng), khu vực kho chứa hàng xuất nhập khẩu quá cảnh (03 thùng) và khu vực nhà cân và nhà trực biên phòng (03 thùng).

### *2.3.2. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại có nguồn gốc kim loại: các lon đựng nước giải khát,...) được thu gom vào thùng đựng, định kỳ bán phế liệu.

+ Chất thải thực phẩm (vỏ hoa quả, rau, thức ăn thừa...) thu gom hằng ngày vào thùng đựng kín và các loại chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

## *2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phát sinh từ tàu thuyền vào cập cảng:*

### *2.4.1. Thiết bị lưu giữ*

Các tàu thuyền lưu giữ các chất thải bằng các thiết bị hoặc kết chứa theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 và Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.

2.4.2. Biện pháp quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 và Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo Phương án phòng cháy chữa cháy của cơ sở được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công an tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt ngày 12/11/2021, các biện pháp đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành.

### **2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu:**

Thực hiện đầy đủ các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cảng Xuân Hải đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 19/01/2017,...

### **3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:**

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải (CTNH, CTCNPKS, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt) phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này; trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**